

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐẮK NÔNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Đắk Nông (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 từ trang 06 đến trang 26 kèm theo.

CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty và các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2015 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Chủ tịch Công ty

Ông Hoàng Trung Thơ

Ban Giám Đốc

Ông Hoàng Trung Thơ

Giám đốc

Ông Trịnh Văn Tường

Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Bà Bùi Thị Loan

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA (UHY ACA LTD).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Đắk Nông đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch và Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Đắc Nông

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Đắc Nông (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 21/03/2016, từ trang 6 đến trang 26 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến thời điểm lập Báo cáo này, số dư một số khoản công nợ của Công ty chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ với các đối tác tại ngày 31/12/2015, chi tiết tỷ lệ các khoản công nợ đã được đối chiếu, xác nhận như sau: Phải thu khách hàng đạt 0%; Các khoản phải trả người bán đạt 71,5%; Trả trước người bán đạt 32,7%. Các thủ tục kiểm toán thay thế không mang lại cho chúng tôi đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết để đưa ra ý kiến nhận xét về tình hiện hữu của số dư các khoản công nợ chưa được đối chiếu, xác nhận.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Việc phân bổ chi phí vào giá thành hoạt động xây lắp của từng công trình đang được Công ty ước tính dựa vào dự toán của từng công trình đã được phê duyệt mà chưa có tiêu thức xác định phù hợp. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hợp lý của giá vốn đã được ghi nhận trong năm cũng như ảnh hưởng của việc ghi nhận này đến các chỉ tiêu liên quan trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Đắc Nông tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số
0798-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA
Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Văn Hải
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số
1395-2014-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		27.226.373.070	26.549.403.535
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	23.321.105.279	19.150.766.156
1. Tiền	111		23.321.105.279	19.150.766.156
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.935.259.829	3.242.322.082
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	3.000.000	297.945.960
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.897.603.120	2.853.389.560
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	34.656.709	90.986.562
IV. Hàng tồn kho	140		1.970.007.962	3.983.736.881
1. Hàng tồn kho	141	7	1.970.007.962	3.983.736.881
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	172.578.416
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	172.449.616
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	128.800
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.252.929.177.493	2.190.070.538.587
II. Tài sản cố định	220		2.250.783.781.742	2.179.571.344.855
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	2.250.783.781.742	2.179.571.344.855
- Nguyên giá	222		2.255.144.741.340	2.182.253.599.795
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.360.959.598)	(2.682.254.940)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.631.543.000	10.247.730.068
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	1.631.543.000	10.247.730.068
VI. Tài sản dài hạn khác	260		513.852.751	251.463.664
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	513.852.751	251.463.664
TỔNG TÀI SẢN	270		2.280.155.550.563	2.216.619.942.122

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		28.171.059.296	9.300.276.130
I. Nợ ngắn hạn	310		28.168.353.546	9.297.570.380
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	7.954.905.450 ✓	2.996.078.550
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	472.757.079 ✓	863.636
4. Phải trả người lao động	314		1.873.768.128 ✓	1.612.298.575
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	13.832.364.000 ✓	2.389.512.563
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		127.081.189 ✓	4.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	12.734.272.587	2.233.068.934
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.173.205.113 ✓	61.748.122
II. Nợ dài hạn	330		2.705.750	2.705.750
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		2.705.750	2.705.750
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.251.984.491.267	2.207.319.665.992
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	2.242.866.565.809	2.193.507.044.945
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.219.550.963.083 ✓	2.171.791.810.945
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		4.000.000.000	3.500.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.056.000 ✓	4.056.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		133.713.726	-
- <i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	421b		133.713.726 ✓	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		19.177.833.000	18.211.178.000
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		9.117.925.458	13.812.621.047
1. Nguồn kinh phí	431		3.890.501.458 ✓	13.812.621.047
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		5.227.424.000 ✓	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		2.280.155.550.563	2.216.619.942.122

Bùi Thị Loan
Người lập biểu



Hoan

[Signature]

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh		Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	59.030.916.364	24.875.048.182
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		59.030.916.364	24.875.048.182
4. Giá vốn hàng bán	11	17	55.209.239.688	20.946.896.486
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.821.676.676	3.928.151.696
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	100.474.910	125.100.499
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	3.711.390.252	4.099.161.287
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		210.761.334	(45.909.092)
11. Thu nhập khác	31	20	20.909.091	45.909.092
12. Chi phí khác	32	21	50.000.000	-
13. Lợi nhuận khác	40		(29.090.909)	45.909.092
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		181.670.425	-
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	47.956.699	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		133.713.726	-

Hoàng Trung Thơ
Chủ tịch kiêm Giám đốc
Đắk Nông, ngày 21 tháng 03 năm 2016

Bùi Thị Loan
Kế toán trưởng



Bùi Thị Loan
Người lập biểu



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		181.670.425	-
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	2		1.678.704.658	1.403.304.452
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(100.474.910)	(125.100.499)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		1.759.900.173	1.278.203.953
- Tăng/giảm các khoản phải thu	9		1.300.706.750	(2.845.952.775)
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10		2.013.728.919	(3.983.736.881)
- Tăng/giảm các khoản phải trả	11		3.425.758.522	(5.897.677.985)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12		(262.389.087)	(7.401.330)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		819.903.100	26.100.109.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(617.529.676)	(1.567.114.243)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.440.078.701	13.076.429.739
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.870.214.488)	(11.548.339.113)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		100.474.910	125.100.499
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.769.739.578)	(11.423.238.614)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		500.000.000	500.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		500.000.000	500.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		4.170.339.123	2.153.191.125
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		19.150.766.156	16.997.575.031
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	23.321.105.279	19.150.766.156

Hoàng Trung Thơ
Chủ tịch kiêm Giám đốc
Đắk Nông, ngày 21 tháng 03 năm 2016



Bùi Thị Loan
Kế toán trưởng

Bùi Thị Loan
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Đắk Nông (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 02/12/2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Nông và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400204746 ngày 14/12/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 18/12/2015.

Chủ sở hữu của Công ty là UBND tỉnh Đắk Nông. Trụ sở chính của Công ty đặt tại phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 2.165.379.352.059 đồng (*Bằng chữ: Hai nghìn một trăm sáu mươi lăm tỷ, ba trăm bảy mươi chín triệu, ba trăm năm mươi hai nghìn, không trăm năm mươi chín đồng*).

1.2 CÁC CHI NHÁNH TRỰC THUỘC

STT	Chi nhánh	Địa chỉ
1	Chi nhánh huyện Đắk Song	Thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông;
2	Chi nhánh huyện Đắk Glong	Xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông;
3	Chi nhánh huyện Krông Nô	Thị trấn Đắk Mâm, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông;
4	Chi nhánh huyện Cư Jút	Thị trấn Ea T-Ling, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông;
5	Xí nghiệp Xây dựng Công trình	Lầu 2, dãy 1, trụ sở Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đường Trần Hưng Đạo, phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông;
6	Chi nhánh huyện Đắk Mil	Thôn 3, xã Đắk Lao, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông;
7	Ban Quản lý dự án	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đường Trần Hưng Đạo, phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông;
8	Chi nhánh huyện Đắk R'Lấp	Thị trấn Kiến Đức, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông;
9	Chi nhánh xã Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông;
10	Chi nhánh huyện Tuy Đức	Xã Đắk Búk So, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

Từ 01/01/2015, Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và Thông tư 244/2009/TT-BTC. Theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC, Công ty không thực hiện điều chỉnh hồi tố các ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được trình bày theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Đối với các công trình nạo vét kênh, sửa chữa nâng cấp cống theo Quyết định giao của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Đắk Nông bằng nguồn ngân sách không bao gồm nguồn cấp bù miễn thủy lợi phí, khi hoàn thành được Sở Tài chính thẩm định, sẽ ghi nhận doanh thu và giá vốn, đồng thời ghi nhận tăng nguyên giá đối với các dự án sửa chữa nâng cấp kênh cống theo chi phí đã tập hợp và tăng nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính và phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc, thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	10

Công ty đang thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 11/2009/TT-BTC ngày 21/01/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số tài sản thuộc các loại sau không phải trích khấu hao:

- Tài sản được xây đúc bằng bê tông và bằng đất của các công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước;
- Máy bơm nước từ 8.000m³/giờ trở lên cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình.

3.6 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo số tiền thanh toán thực tế cho bên nhà thầu. Chi phí này bao gồm giá mua, chi phí mua đang tập hợp, chi phí lắp đặt chạy thử, chi phí phát sinh trực tiếp trong quá trình thi công xây dựng, chi phí chung của ban quản lý và chi phí đi vay có liên quan. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chủ yếu là giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 2 - 3 năm.

3.8 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán. Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm tài chính, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ gồm doanh thu từ thủy lợi phí, doanh thu từ hoạt động sửa chữa, tu bổ, nạo vét kênh mương... phục vụ mục đích thủy lợi được cấp từ nguồn ngân sách.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.8 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Doanh thu từ hoạt động xây dựng, nạo vét kênh mương, tưới tiêu theo đơn đặt hàng của Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông, được ghi nhận dựa trên nguồn vốn ngân sách mà Sở Tài chính thực cấp về hàng năm.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

3.9 GHI NHẬN GIÁ VỐN

Giá vốn công trình sửa chữa, nạo vét kênh mương được xác định bằng doanh thu đã ghi nhận của công trình đã nghiệm thu trong năm. Việc ghi nhận giá vốn hoạt động xây lắp đang được Công ty ước tính mà chưa có tiêu thức xác định phù hợp.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính.

Các khoản tổn thất hoặc chi phí sản xuất kinh doanh dở dang không có khả năng thu hồi trong tương lai được xem xét ghi nhận giá vốn hàng bán của kỳ phát sinh nghiệp vụ.

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong năm tài chính.

3.10 THUẾ

Thuế Giá trị gia tăng

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ. Hoạt động tưới tiêu, nạo vét kênh mương nội đồng không chịu thuế GTGT;

Thuế suất thuế GTGT đầu ra đối với hoạt động Dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp của Công ty là 5% (không bao gồm hoạt động nạo, vét kênh mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp từ nguồn thủy lợi phí).

Thuế suất thuế GTGT đầu ra đối với hoạt động khác của Công ty là 10%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được áp dụng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh chịu thuế là 22%. Các khoản thu nhập phát sinh từ dịch vụ tưới, tiêu nước, nạo vét kênh, mương nội đồng không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3.11 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH***Ghi nhận ban đầu**Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt	283.902.002	144.746.346
Tiền gửi ngân hàng	23.037.203.277	19.006.019.810
Cộng	23.321.105.279	19.150.766.156

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	3.000.000	297.945.960
- Phan Văn Thiện	3.000.000	-
- Sở tài chính tỉnh Đắk Nông	-	297.945.960
Cộng	3.000.000	297.945.960

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HÀNG KHÁC

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	34.656.709		90.986.562	
- Tạm ứng	17.000.000	-	84.631.059	-
- Phải thu khác	440.000	-	6.355.503	-
- Kinh phí công đoàn	1.108.664	-	-	-
- Bảo hiểm xã hội	16.108.045	-	-	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	34.656.709		90.986.562	

7. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.970.007.962	-	3.983.736.881	-
Cộng	1.970.007.962	-	3.983.736.881	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2015	2.167.406.146.414	6.668.418.348	8.179.035.033	2.182.253.599.795
- Mua trong năm	-	195.123.750	-	195.123.750
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	43.399.804.025	-	-	43.399.804.025
- Tăng khác (*)	29.698.478.000	79.551.400	-	29.778.029.400
- Điều chỉnh Nguyên giá do sai mã tài khoản (**)	6.862.925.033	-	(6.862.925.033)	-
- Giảm khác (***)	(481.815.630)	-	-	(481.815.630)
31/12/2015	2.246.885.537.842	6.943.093.498	1.316.110.000	2.255.144.741.340
HAO MÓN LŨY KẾ				
01/01/2015	849.853.827	1.464.456.030	367.945.083	2.682.254.940
- Khấu hao trong năm	789.537.761	757.555.897	131.611.000	1.678.704.658
31/12/2015	1.639.391.588	2.222.011.927	499.556.083	4.360.959.598
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2015	2.166.556.292.587	5.203.962.318	7.811.089.950	2.179.571.344.855
31/12/2015	2.245.246.146.254	4.721.081.571	816.553.917	2.250.783.781.742

(*) Tăng do nhận bàn giao tài sản cố định từ UBND Tỉnh Đắk Nông

(**) Điều chuyển từ Phương tiện vận tải truyền dẫn sang Nhà cửa vật kiến trúc do năm 2014 nhập sai mã Tài khoản

(***) Giảm theo quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành của Sở Tài chính

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.631.543.000	1.631.543.000	10.179.068.668	10.179.068.668
- Công trình Nam Sơn	-	-	4.759.429.722	4.759.429.722
- Trạm bơm Đắk Mil	-	-	4.903.418.946	4.903.418.946
- Công trình thủy lợi Đắk Lấp	-	-	490.865.000	490.865.000
- Nhà làm việc Tuy Đức	-	-	23.949.000	23.949.000
- Kiên cố kênh nhánh Trạm bơm Đắk Rên	1.630.859.000	1.630.859.000	859.000	859.000
- Trạm bơm Eapo	547.000	547.000	547.000	547.000
- Trụ sở Văn phòng công ty	137.000	137.000	-	-
Mua sắm Tài sản cố định	-	-	68.661.400	68.661.400
Cộng	1.631.543.000	1.631.543.000	10.247.730.068	10.247.730.068

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Dài hạn	513.852.751	251.463.664
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	513.852.751	251.463.664
Cộng	513.852.751	251.463.664

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	7.954.905.450	7.954.905.450	2.996.078.550	2.996.078.550
Công ty Cổ phần Xây dựng Đắk Lắk	896.242.000	896.242.000	205.320.000	205.320.000
Công ty TNHH Xây dựng Đại Nài	4.241.267.750	4.241.267.750	759.216.050	759.216.050
Các đối tượng khác	2.817.395.700	2.817.395.700	2.031.542.500	2.031.542.500
Cộng	7.954.905.450	7.954.905.450	2.996.078.550	2.996.078.550

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	863.636	2.208.556.817	1.789.981.272	419.439.181
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	47.956.699	-	47.956.699
Thuế thu nhập cá nhân	-	46.004.280	40.643.081	5.361.199
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	2.172.691	2.172.691	-
Các loại thuế khác	-	11.000.000	11.000.000	-
Cộng	863.636	2.315.690.487	1.843.797.044	472.757.079

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Ngắn hạn	13.832.364.000	-
- Trích trước chi phí sửa chữa Công trình Đắc Láp	332.592.000	-
- Trích trước chi phí sửa chữa Công trình theo CV 6308	12.290.000.000	-
- Trích trước chi phí Lắp đặt biển báo nước sâu	12.383.000	-
- Trích trước chi phí sửa chữa Công trình Sapa	11.390.000	-
- Trích trước chi phí sửa chữa Công trình Năm N'Jang	16.502.000	-
- Trích trước chi phí sửa chữa Công trình TB 02Đắc Rền	7.512.000	-
- Trích trước chi phí sửa chữa Công trình Đập Ông Hiền	8.835.000	-
- Trích trước chi phí sửa chữa Công trình Đập Ông Truyền	9.510.000	-
- Trích trước chi phí sửa chữa Công trình Đèo 52	6.740.000	-
- Trích trước chi phí sửa chữa Công trình Quy trình điều tiết	864.084.000	-
- Trích trước chi phí sửa chữa Công trình Đắc Loou	6.156.000	-
- Trích trước chi phí sửa chữa Khác: Thủy lợi phí 2013	66.660.000	-
- Trích trước chi phí sửa chữa Công trình Cư Pronhg	200.000.000	-
Trích trước chi phí sửa chữa Công trình E29	-	481.447.579
Trích trước Chi phí sửa chữa Công trình Đắc Blung	-	1.908.064.984
Cộng	13.832.364.000	2.389.512.563

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Ngắn hạn	2.734.272.587	2.233.068.934
- Kinh phí công đoàn	-	284.421
- Kí cược kí quỹ	134.840.000	56.000.000
- Khối lượng nghiệm thu chờ thanh toán	2.599.432.587	2.176.784.513
Cộng	2.734.272.587	2.233.068.934

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Nguồn vốn đầu tư XDCB		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND		VND		VND		VND		VND		VND
01/01/2014	1.918.174.771.850		3.000.000.000		4.056.000		-		-		1.921.178.827.850
- Tăng vốn trong năm trước	253.617.039.095		500.000.000		-		18.211.178.000		-		272.328.217.095
31/12/2014	2.171.791.810.945		3.500.000.000		4.056.000		18.211.178.000		-		2.193.507.044.945
01/01/2015	2.171.791.810.945		3.500.000.000		4.056.000		18.211.178.000		-		2.193.507.044.945
- Tăng vốn trong năm nay (*)	47.759.152.138		500.000.000		-		966.655.000		-		49.225.807.138
- Lãi trong năm	-		-		-		-		133.713.726		133.713.726
31/12/2015	2.219.550.963.083		4.000.000.000		4.056.000		19.177.833.000		133.713.726		2.242.866.565.809

(*) Tăng Vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm do ghi nhận tăng nguồn vốn từ việc tăng tài sản cố định hữu hình gồm máy móc thiết bị và kênh mương phục vụ tưới tiêu được bàn giao từ UBND Tỉnh Đắk Nông và kết chuyển từ nguồn vốn XDCB.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu Thủy lợi phí	37.151.000.000	18.827.000.000
Doanh thu hợp đồng xây dựng	21.879.916.364	6.048.048.182
Cộng	<u>59.030.916.364</u>	<u>24.875.048.182</u>

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
- Giá vốn thủy lợi phí	33.449.765.598	14.898.848.304
- Giá vốn Xây dựng công trình	21.759.474.090	6.048.048.182
Cộng	<u>55.209.239.688</u>	<u>20.946.896.486</u>

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	100.474.910	125.100.499
Cộng	<u>100.474.910</u>	<u>125.100.499</u>

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	3.711.390.252	4.099.161.287
Chi phí nhân viên quản lý	1.184.200.335	998.102.486
Chi phí vật liệu quản lý	-	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	515.551.588	354.559.820
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	210.366.863	1.403.304.452
Thuế và các khoản lệ phí	17.410.691	19.414.587
Chi phí dịch vụ mua ngoài	175.858.438	151.511.094
Chi phí bằng tiền khác	1.608.002.337	1.172.268.848

20. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tiền cho thuê mặt thoáng	20.909.091	37.272.728
Thu từ bán hồ sơ thầu	-	8.636.364
Cộng	<u>20.909.091</u>	<u>45.909.092</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
	50.000.000	-
Chi phí hỗ trợ di dời quán café trụ sở mới Công ty theo Biên bản làm việc của Sở Tài chính	50.000.000	-

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	181.670.425	-
Các khoản chi phí không được trừ	36.314.568	-
- Giá trị hóa đơn không hợp lệ	36.314.568	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	217.984.993	-
Thuế suất	22%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	47.956.699	-

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.11.

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.321.105.279	19.150.766.156
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.440.000	304.301.463
Cộng	23.324.545.279	19.455.067.619
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	10.689.178.037	5.228.863.063
Chi phí phải trả	13.832.364.000	2.389.512.563
Cộng	24.521.542.037	7.618.375.626
Trạng thái ròng	(1.196.996.758)	11.836.691.993

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Rủi ro tỷ giá

Công ty không có các giao dịch ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty không chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn do Công ty không có các khoản đầu tư vào công cụ vốn.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi.

Công nợ tài chính	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015			
Vay và nợ thuê tài chính	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	10.689.178.037	-	10.689.178.037
Chi phí phải trả	13.832.364.000	-	13.832.364.000
Cộng	24.521.542.037	-	24.521.542.037
01/01/2015			
Vay và nợ thuê tài chính	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	5.228.863.063	-	5.228.863.063
Chi phí phải trả	2.389.512.563	-	2.389.512.563
Cộng	7.618.375.626	-	7.618.375.626

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi.

Tài sản tài chính	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.321.105.279	-	23.321.105.279
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.440.000	-	3.440.000
Cộng	23.324.545.279	-	23.324.545.279
01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.150.766.156	-	19.150.766.156
Phải thu khách hàng và phải thu khác	304.301.463	-	304.301.463
Cộng	19.455.067.619	-	19.455.067.619

Ban Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***24. THÔNG TIN SO SÁNH**

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Đắk Nông đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán đã được trình bày lại cho phù hợp Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2014 theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC VND	Tại ngày 01/01/2015 theo Thông tư 200/2014/TT-BTC VND
Bảng Cân đối Kế toán		
Tài sản		
Phải thu ngắn hạn khác	6.355.503	90.986.562
Tài sản ngắn hạn khác	84.631.059	-

Hoàng Trung Thơ
Chủ tịch kiêm Giám đốc
Đắk Nông, ngày 21 tháng 03 năm 2016



Bùi Thị Loan
Kế toán trưởng

Bùi Thị Loan
Người lập biểu